

Số: /BC-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định về mức chi hỗ trợ thực hiện các hoạt động trong Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết

Trong giai đoạn 2016-2020, thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016- 2020; Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017) và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016-2020.

Được sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương và sự phối hợp của các Sở, ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, trong giai đoạn 2016-2020 việc triển khai thực hiện hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (CTMT Y tế - Dân số) do ngành Y tế chủ trì đã đem lại những kết quả nhất định, đạt được các mục tiêu mà Trung ương đã đề ra, cụ thể: tỷ lệ bệnh phong mới của tỉnh luôn duy trì <1/100.000 dân, 100% bệnh nhân phong tàn tật được chăm sóc, điều trị; thực hiện tốt công tác khám phát hiện, thu dung và điều trị cho bệnh nhân lao, tỷ lệ điều trị khỏi bệnh tăng từ 88,5% năm 2016 lên 90,6% năm 2017 và được duy trì trên 90% cho đến nay; đạt tiêu chí loại trừ sốt rét; chủ động trong việc giám sát, phát hiện và xử lý ổ dịch SXHD kịp thời, khống chế tỷ lệ mắc, chết do SXHD $\leq 0,09\%$; 100% xã, phường, thị trấn triển khai quản lý bệnh động kinh, tâm thần phân liệt, tỷ lệ điều trị ổn định bệnh ngày càng tăng; triển khai quản lý, dự phòng, điều trị các bệnh không lây nhiễm (THA, ĐTĐ) tại tuyến xã, giám sát I-ốt thường quy hàng năm; triển khai tầm soát phát hiện COPD và hen phế quản tại cộng đồng; công tác tiêm chủng từng bước được nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, tỷ lệ tiêm chủng trẻ dưới 1 tuổi hàng năm đều đạt chỉ tiêu; tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại hàng năm đều đạt và duy trì trên

73%, chất lượng dân số từng bước được cải thiện, tuổi thọ trung bình tăng (năm 2022 đạt trung bình 74,3 tuổi); tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi giảm còn 9,5% năm 2022; không để xảy ra các vụ ngộ độc tập thể lớn, đảm bảo ATTP trong các dịp lễ tết, sự kiện của tỉnh; 100% phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây nhiễm từ mẹ sang con, triển khai có hiệu quả việc điều trị ARV, Methadone; triển khai lồng ghép có hiệu quả các hoạt động truyền thông từ đó góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong công tác phòng bệnh, tự bảo vệ và nâng cao sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng góp phần thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống, hình thành hệ thống chăm sóc đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

Những kết quả đạt được từ các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 đã góp phần đáng kể đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác về y tế cộng đồng trong thời gian qua của tỉnh.

Tiếp nối những kết quả đạt được từ các hoạt động, dự án Chương trình, giai đoạn từ 2021 đến nay các đơn vị trong ngành y tế vẫn tiếp tục nỗ lực duy trì các nội dung hoạt động, dự án của Chương trình và các thành quả đạt được trong giai đoạn 2016-2020 tuy nhiên ngành y tế gặp rất nhiều khó khăn do thiếu hụt nguồn kinh phí triển khai cũng như việc quản lý và sử dụng kinh phí triển khai các hoạt động, dự án Chương trình do Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính đến nay đã hết hiệu lực, theo đó hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên. Ngày 21/8/2023 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 58/2023/TT-BTC về bãi bỏ Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, như vậy Thông tư số 26/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính chính thức hết hiệu lực từ ngày 10/10/2023.

Theo Công văn số 3160/BTC-HCSN ngày 07/4/2022 về việc hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025, các hoạt động để triển khai Chương trình được chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên nhưng không có hướng dẫn và định mức chi cụ thể để triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh, ngành y tế chỉ có thể vận dụng, áp dụng ở một số mức chi theo quy định để triển khai các hoạt động trong Chương trình.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định đối với các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền, ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Trung ương ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.

Do đó việc xây dựng Nghị quyết về chính sách này nhằm mục đích thực hiện đúng các quy định của Trung ương và thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương về các nội dung, mức chi, hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đảm bảo theo đúng trình tự, quy định pháp luật hiện hành, đồng thời góp phần duy trì kết quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giữ vững tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Mục tiêu tổng thể: Việc ban hành chính sách phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương nhằm đảm bảo các điều kiện triển khai công tác Y tế dự phòng và Dân số trên địa bàn tỉnh, duy trì và nâng cao các kết quả đạt được của Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

- Mục tiêu cụ thể: Làm cơ sở áp dụng mức chi trong việc thực hiện các hoạt động, dự án của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn tại tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 đến nay đã hết hiệu lực, theo đó, hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2020, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, tác động toàn diện đến nền kinh tế đất nước, ảnh hưởng nặng nề đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, Sóc Trăng là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh. Trong cuộc chiến phòng, chống dịch COVID-19, đặc biệt là trong tình hình số ca nhiễm Covid-19 gia tăng, đội ngũ y, bác sĩ ngành Y tế nói chung và cán bộ y tế cơ sở nói riêng (đặc biệt là Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn) là lực lượng thường trực ở tuyến đầu chịu nhiều áp lực, vất vả và phải đối mặt với nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh rất cao, tuy nhiên vẫn luôn nỗ lực, cố gắng để đảm đương và hoàn thành nhiệm vụ đối với công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Trong bối cảnh trên, những bất cập liên quan đến số lượng, cơ cấu nhân lực của ngành Y tế, các chính sách đối với nhân viên y tế đã bộc lộ rõ nét. Trong giai đoạn này toàn bộ tinh thần, sức lực của Sở Y tế nói riêng và Ngành Y tế của tỉnh nói chung đều tập trung cho nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh Covid-19, việc xây dựng kế hoạch và tham mưu bố trí kinh phí ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ cho Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 không được đảm bảo.

Kể từ khi Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 hết hiệu lực, các quy định hiện hành chỉ có thể vận dụng, áp dụng ở một số các mức chi như việc tổ chức tập huấn, đào tạo, hội nghị, hội thảo chuyên môn, hỗ trợ kinh phí đi lại, các hoạt động giám sát,... Đối với một số hoạt động thuộc CTMT Y tế - Dân số được lồng ghép vào nội dung chi của các CTMT quốc gia giai đoạn 2021-2025 áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thực hiện các CTMTQG. Tuy nhiên, còn rất nhiều nội dung hoạt động và các chế độ hỗ trợ đặc thù cho các đối tượng triển khai chương trình không có hướng dẫn, điều này dẫn đến:

- Công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm như Covid-19, Sốt xuất huyết, tay chân miệng, công tác tiêm chủng mở rộng và các hoạt động dự án khác của Chương trình... gặp nhiều khó khăn, kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ công tác viên Y tế - Dân số, nhân viên y tế áp/khóm rất hạn chế, không có kinh phí để tham gia triển khai hoạt động, giảm hiệu quả công tác tuyên truyền và quản lý, chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng.

- Chất lượng điều trị của các cơ sở khám chữa bệnh giảm, đặc biệt trong công tác điều trị một số bệnh thuộc Chương trình.

- Cả ba tuyến tỉnh, huyện, xã không có đủ nhân lực để bù đắp cho lượng nhân viên y tế nghỉ việc sau Covid-19, cần có thời gian phục hồi, bổ sung, cán bộ hỗ trợ công tác, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Trong công tác quản lý, điều hành công việc, đôi khi vẫn mang tính chất đôn việc, người làm được, chịu khó, năng động thì được giao nhiều việc, thêm trách nhiệm pháp lý (nhưng lương không tăng); Áp lực từ công việc, vừa đảm bảo công tác chuyên môn, vừa đảm bảo phòng chống dịch hiệu quả, kịp tiến độ trong khi nhân sự không đủ (ngành y tế chỉ tuyển được 82% biên chế được giao) để đảm bảo hoạt động, cán bộ phải đồng thời kiêm nhiệm thêm một số công việc về đoàn thể, công tác xã hội, dẫn đến áp lực, quá tải trong công việc.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh: "Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ".

Ngày 02/06/2020, Bộ Y tế đã có Công văn số 3033/BYT-KHTC về việc xây dựng kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách CTMT Y tế - Dân số cho giai đoạn 2021-2025.

Ngày 07/04/2022, Bộ Tài chính có Công văn số 3160/BTC-HCSN hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMT Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 và công văn 7852/BTC-HCSN ngày 08/08/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên, có nêu:

“... Đối với nhiệm vụ của CTMT Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của ngân sách địa phương: căn cứ Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Vì vậy, đề nghị Tỉnh xem xét quy định chế độ, định mức chi các hoạt động, nhiệm vụ của CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện tại địa phương theo đúng quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp...”.

Ngày 21/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 58/2023/TT-BTC về việc bãi bỏ Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 kể từ ngày 10/10/2023.

2. Mục tiêu của chính sách

Đảm bảo các điều kiện triển khai công tác Y tế và Dân số trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở áp dụng mức chi trong việc thực hiện các hoạt động, dự án của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn mới, phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn qua đó duy trì và nâng cao các kết quả đạt được của CTMT Y tế - Dân số của tỉnh.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Đánh giá tác động của việc không ban hành chính sách

- Tác động về kinh tế:

+ Tích cực: giúp giảm chi ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm.

+ Tiêu cực: Việc không ban hành chính sách sẽ gây khó khăn cho ngành y tế trong việc duy trì, triển khai các hoạt động, dự án của Chương trình do thiếu nguồn kinh phí và khó khăn trong việc quản lý, sử dụng kinh phí do thiếu cơ sở quy định về mức chi thực hiện các nội dung hoạt động.

- Tác động về xã hội: ảnh hưởng đến hiệu quả công tác dự phòng, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh, đồng thời ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ và các nội dung chỉ tiêu được Trung ương về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới (Nghị Quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII), công tác dân số trong tình hình mới (Nghị Quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII),...

- Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không có tác động đến hệ thống pháp luật, do vậy đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

3.2 . Đánh giá tác động của việc ban hành chính sách

- Tác động về kinh tế:

+ Tích cực: Hiệu quả của các hoạt động của chương trình là rất rõ rệt, bảo vệ sức khỏe dự phòng bệnh tật, và nâng cao chất lượng cuộc sống, làm giảm chi phí trong chẩn đoán và điều trị. Điển hình nhất là tiêm vắc - xin phòng bệnh. Thực tế cho thấy, nhờ tiêm chủng vắc-xin đã làm giảm đáng kể tỷ lệ người mắc và chết của nhiều bệnh nhiễm trùng, cũng như tiết kiệm chi phí cho điều trị và giảm chi phí mất đi do bố mẹ và người chăm sóc phải nghỉ việc không lương để chăm sóc trẻ ốm. Chi phí cho điều trị lớn gấp nhiều lần chi phí cho việc triển khai tiêm chủng và dự phòng bệnh.

Kinh phí thực hiện: Giai đoạn 2016-2023 tổng kinh phí tỉnh đã triển khai thực hiện các dự án Chương trình là 83.666.006.000 đồng (phụ lục 1 đính kèm).

+ Tiêu cực: Hỗ trợ từ ngân sách tỉnh nên tăng chi ngân sách hàng năm

- Tác động về xã hội:

Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn 2016-2020 nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương, chính quyền các cấp và sự phối hợp của các ngành, đoàn thể liên quan trong việc triển khai thực hiện các hoạt động, dự án của Chương trình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng từ đó đem lại nhiều kết quả tích cực, đạt được các mục tiêu mà Trung ương đã đề ra trong việc chủ động phòng, chống một số bệnh xã hội, dịch bệnh nguy hiểm, phát hiện dịch sớm, kịp thời không chể dịch; giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; từng bước quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng; người dân, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; được khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm bệnh để được chăm sóc, điều trị sớm như lao, tim mạch, đái tháo đường, ung thư, đảm bảo an toàn thực phẩm, từng bước nâng cao chất lượng dân số, hiệu quả công tác truyền thông giáo dục đối với bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe từng bước được nâng cao,... góp phần thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống, hình thành hệ thống chăm sóc đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở và nâng cao ý thức giữ gìn sức khỏe của người dân.

Nhờ có CTMT Y tế - Dân số, ngành y tế địa phương đã mạnh dạn triển khai nhiều mô hình y tế hay tại địa phương như mô hình quản lý bệnh không truyền nhiễm tại cộng đồng, từng bước triển khai phát triển mô hình y tế cơ sở theo nguyên lý y học gia đình, năng lực triển khai các hoạt động mang tính chất cộng đồng được tăng lên.

- Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh có tác động đến hệ thống pháp luật nhưng vẫn đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính

3.3. So sánh 02 giải pháp:

- **Đối với giải pháp giữ nguyên hiện trạng tức là không ban hành chính sách hỗ trợ:**

+ Việc không ban hành chính sách hỗ trợ sẽ giúp giảm chi ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm tuy nhiên là khó khăn rất lớn của ngành y tế trong việc triển khai các hoạt động, dự án và duy trì các thành quả đạt được trong công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người dân nhất là trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, trong khi cơ cấu, mô hình bệnh tật, tử vong thay đổi nhanh chóng với sự gia tăng nhanh của các bệnh không lây nhiễm, khó khăn thách thức trong việc điều chỉnh và thích ứng với sự thay đổi trong cơ cấu dân số và triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dân số, việc quản lý kiểm soát và đảm bảo an toàn thực phẩm,... Bên cạnh đó cũng tác động trực tiếp đến việc thực hiện mục tiêu trọng điểm trong việc kiểm soát các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như Lao, Phong, HIV/AIDS, ... chủ động trong việc phát hiện, chẩn đoán sớm và quản lý, điều trị cho người bệnh, đảm bảo chất lượng điều trị, tăng tỷ lệ điều trị thành công giảm tỷ lệ điều trị thất bại, bỏ điều trị, tử vong

+ Việc không ban hành chính sách đồng thời ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ và các nội dung chỉ tiêu được Trung ương về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới (Nghị Quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII), công tác dân số trong tình hình mới (Nghị Quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII).

- **Đối với giải pháp cần ban hành chính sách hỗ trợ:** Với những đánh giá tác động như trên tuy có hạn chế là tăng chi ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm nhưng từ kết quả đánh giá đạt được của giai đoạn 2016-2020 cho thấy nhờ có Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả đã góp phần to lớn vào việc bảo vệ, tăng cường và duy trì sức khỏe, dự phòng hạn chế bệnh tật, tàn phế và tử vong. Các hoạt động của chương trình như đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe, tiêm vắc - xin phòng bệnh... nhằm hạn chế phơi nhiễm với yếu tố nguy cơ, đo huyết áp thường xuyên để phát hiện và điều trị sớm nhằm làm giảm nguy cơ của các bệnh tim mạch, xét nghiệm sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung... nhằm phát hiện sớm ở giai đoạn chưa có biểu hiện triệu chứng lâm sàng; điều trị bệnh và phục hồi chức năng hiệu quả nhằm làm giảm tàn phế và tử vong. Đồng thời góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu về lĩnh vực y tế được Trung ương giao.

3.4. Lý do lựa chọn giải pháp ban hành chính sách

Việc ban hành chính sách phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương, tạo cơ sở triển khai thực hiện chương trình nhằm mục tiêu giữ vững các kết quả đã đạt được, khắc phục các tác động tiêu cực được nêu ra, góp phần nâng cao được sức khỏe cộng đồng, thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; thực hiện thắng lợi Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới và Chương trình Sức khỏe Việt Nam theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Dự kiến kinh phí hoạt động năm 2024, 2025 để thực hiện các hoạt động của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng là 32.469.520.000 đồng (*chi tiết phụ lục 2 đính kèm*).

- **Thẩm quyền ban hành văn bản:** Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.
- **Dự kiến thời gian thực hiện:** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

III. LẤY Ý KIẾN THAM VẤN

Ủy ban nhân dân tỉnh đã, đang lấy ý kiến tổng hợp ý kiến đóng góp của các đối tượng thụ hưởng chính sách; các Sở, ban ngành bằng văn bản; Xin ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Các Bộ: Y tế - Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội; Đăng tải trên cổng Thông tin và Điện tử tỉnh.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết về chính sách này nếu được ban hành.

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách “Quy định về mức chi hỗ trợ thực hiện các hoạt động trong Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các Ủy viên UBND Tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC 1: Báo cáo tình hình kinh phí giai đoạn 2016-2023 của Ngành Y tế về Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số

(Kèm theo Báo cáo số /UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chương trình	Giai đoạn 2016 - 2023	Quyết toán theo từng năm							
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
A	B	(1=2:6)	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ:									
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ:	83.666.006	11.395.307	11.972.886	14.646.275	14.788.366	12.347.976	6.448.949	5.872.529	6.193.718
1	Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	11.456.747	1.581.332	886.488	2.154.287	1.752.749	2.161.126	777.835	657.150	1.485.780
1.1	Hoạt động phòng, chống Lao	3.041.302	719.452	405.563	425.979	409.173	69.165	305.127	206.844	500.000
1.2	Hoạt động phòng, chống Phong	553.842	60.281	6.890	100.266	157.339	97.797	2.560	48.709	80.000
1.3	Hoạt động phòng, chống Sốt rét	1.322.228	108.000	3.525	31.077	100.000	850.000	54.726	91.900	83.000
1.4	Hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết	2.793.266	374.000	131.000	903.000	451.000	239.000	127.410	121.176	446.680
1.5	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	2.828.549	307.999	339.510	598.465	431.236	437.805	225.012	188.521	300.000
1.6	Hoạt động phòng, chống ung thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.7	Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	499.000	0	0	20.000	204.000	275.000	0	0	0
1.8	Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu hụt Iốt	192.000	0	0	52.000	0	140.000	0	0	0
1.9	Hoạt động phòng, chống COPD và hen phế quản	150.460	11.600	0	23.500	0	52.360	63.000	0	0
1.10	Hoạt động y tế học đường	76.100	0	0	0	0	0	0	0	76.100
2	Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng	4.040.119	651.096	710.936	678.664	468.734	916.880	243.900	192.599	177.310
3	Dự án 3: Dân số và phát triển	40.753.845	4.389.000	6.340.000	6.485.000	7.189.000	5.732.000	4.666.000	3.995.000	1.957.845
3.1	Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	34.597.620	3.826.000	5.886.000	5.286.000	6.201.000	4.284.000	4.146.000	3.470.000	1.498.620
3.2	Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	1.231.000	150.000	0	267.000	187.000	350.000	90.000	95.000	92.000
3.4	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	4.925.225	413.000	454.000	932.000	801.000	1.098.000	430.000	430.000	367.225
4	Dự án 4: An toàn thực phẩm	4.281.480	293.879	228.802	1.303.318	942.325	697.970	244.358	365.480	205.348
5	Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS	21.326.156	4.480.000	3.752.000	3.457.000	4.114.000	2.840.000	516.856	566.300	1.600.000
6	Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Dự án 7: Quân dân y kết hợp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế	1.807.659	0	54.660	568.006	321.558	0	0	96.000	767.435
8.1	Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá									
8.2	Nâng cao năng lực truyền thông Y tế									432.460
8.3	Nâng cao năng lực truyền thông Dân số	212.380	0	0	0	0	0	0	96.000	116.380
8.4	Nâng cao năng lực truyền thông An toàn thực phẩm	1.162.819	0	54.660	568.006	321.558	0	0	0	218.595

PHỤ LỤC 2: Đề xuất Kế hoạch 02 năm giai đoạn 2024-2025**của Ngành Y tế về Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chương trình	Tổng dự toán	Dự toán theo từng năm	
			Năm 2024	Năm 2025
	TỔNG SỐ:	32.469.520	15.870.560	16.598.960
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ	32.469.520	15.870.560	16.598.960
1	Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	10.018.000	4.894.000	5.124.000
1.1	Hoạt động phòng, chống Lao	1.000.000	500.000	500.000
1.2	Hoạt động phòng, chống Phong	185.000	88.000	97.000
1.3	Hoạt động phòng, chống Sốt rét	300.000	150.000	150.000
1.4	Hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết	2.000.000	1.000.000	1.000.000
1.5	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	5.473.000	2.626.000	2.847.000
1.6	Hoạt động phòng, chống ung thư	0	0	0
1.7	Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	0	0	0
1.8	Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu hụt Iốt	800.000	400.000	400.000
1.9	Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản	100.000	50.000	50.000
1.10	Hoạt động y tế học đường	160.000	80.000	80.000
2	Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng	2.500.000	1.000.000	1.500.000
3	Dự án 3: Dân số và phát triển	13.250.000	6.625.000	6.625.000
3.1	Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3.010.000	1.505.000	1.505.000
3.2	Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng	0	0	0
3.3	Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	200.000	100.000	100.000
3.4	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	800.000	400.000	400.000
3.5	Hỗ trợ hàng tháng 1925 cộng tác viên Dân số mỗi năm	9.240.000	4.620.000	4.620.000
4	Dự án 4: An toàn thực phẩm	1.911.520	956.560	954.960
4.1	Nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	1.373.000	686.500	686.500
4.2	Thông tin giáo dục truyền thông bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm	310.920	156.260	154.660
4.3	Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.	200.000	100.000	100.000
4.4	Phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm	27.600	13.800	13.800
5	Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS	3.950.000	1.975.000	1.975.000
5.1	Thông tin giáo dục truyền thông thay đổi hành vi	800.000	400.000	400.000
5.2	Giám sát dịch và can thiệp giảm tác hại	910.000	455.000	455.000
5.3	Hỗ trợ điều trị và dự phòng lây cho con	720.000	360.000	360.000

5.4	<i>Đảm bảo nguồn tài chính trong phòng, chống HIV/AIDS</i>	1.520.000	760.000	760.000
6	Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	0	0	0
7	Dự án 7: Quân dân y kết hợp	0	0	0
8	Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế	840.000	420.000	420.000
8.1	<i>Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá</i>	0	0	0
8.2	<i>Nâng cao năng lực truyền thông Y tế</i>	400.000	200.000	200.000
8.3	<i>Nâng cao năng lực truyền thông Dân số</i>	240.000	120.000	120.000
8.4	<i>Nâng cao năng lực truyền thông An toàn thực phẩm</i>	200.000	100.000	100.000